

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ XÂY DỰNG HẢI CHÂU

CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ XÂY DỰNG HẢI CHÂU

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HAI CHAU CONSTRUCTION AND TRADING JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: HAI CHAU C&T.,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 2400813973

3. Ngày thành lập: 27/04/2017

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Lô 30N32 Khu dân cư số 2, đường Giáp Lễ, Phường Dĩnh Kế, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Điện thoại: 0983.206.334 – 0983.196.622 Fax:

Email: Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ kinh doanh vàng và kim loại quý khác)	4662
2.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
3.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
4.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
5.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
6.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
7.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
8.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
9.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
10.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
11.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
12.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
13.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
14.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
15.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021

16.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
17.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
18.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ	5221
19.	Bốc xếp hàng hóa (trừ bốc xếp hàng hóa cảng hàng không)	5224
20.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
21.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
22.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621
23.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
24.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
25.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Thiết kế quy hoạch xây dựng; thiết kế kiến trúc công trình; thiết kế kết cấu công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp; thiết kế công trình thủy lợi; thiết kế đường dây và trạm biến áp đến 350 kv; thiết kế điện công trình xây dựng; thiết kế công trình giao thông. - Giám sát công trình xây dựng, công trình công nghiệp lĩnh vực: xây dựng và hoàn thiện; giám sát công trình giao thông lĩnh vực: xây dựng và hoàn thiện; giám sát công trình thủy lợi lĩnh vực xây dựng và hoàn thiện; giám sát công trình dân dụng và công nghiệp lĩnh vực: lắp thiết bị công nghiệp, lắp thiết bị công trình; giám sát công trình đường dây và trạm biến áp đến 350 kv lĩnh vực: lắp thiết bị công nghiệp, thiết bị công trình; - Khảo sát địa chất công trình, khảo sát địa hình. - Lập dự án đầu tư; tư vấn quản lý dự án; - Lập báo cáo kỹ thuật các công trình: xây dựng dân dụng và công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật, công trình giao thông, công trình thủy lợi, cấp thoát nước, đường điện; - Tư vấn đấu thầu; Lập thiết kế dự toán; thẩm tra thiết kế dự toán; lập hồ sơ đấu thầu, mời thầu các công trình: xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, đường điện, cấp, thoát nước, san lấp mặt bằng, đánh giá tác động môi trường.	7110
26.	Quảng cáo	7310
27.	Cho thuê xe có động cơ	7710
28.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng.	7730
29.	Cung ứng lao động tạm thời	7820
30.	Đại lý du lịch	7911
31.	Điều hành tua du lịch	7912
32.	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7920

33.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp Chi tiết: Cung cấp các nhân viên đáp ứng dịch vụ tổng hợp theo yêu cầu của khách hàng. Như làm sạch thông thường bên trong, bảo dưỡng, dọn dẹp rác, bảo vệ, gửi thư, lễ tân, giặt là và các dịch vụ có liên quan đáp ứng nhu cầu của khách hàng.	8110
34.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
35.	Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác	8129
36.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
37.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
38.	Sửa chữa thiết bị liên lạc Chi tiết: Sửa chữa máy fax, điện thoại, tivi, máy quay video	9512
39.	Đại lý, môi giới, đấu giá	4610
40.	Bán buôn gạo	4631
41.	Bán buôn thực phẩm	4632
42.	Bán buôn đồ uống	4633
43.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
44.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
45.	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Khai thác và chế biến các chất phụ gia để sản xuất xi măng.	0899
46.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
47.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
48.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
49.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao	2395
50.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
51.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
52.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
53.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
54.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
55.	Xây dựng nhà các loại Chi tiết: Xây dựng nhà dân dụng các loại	4100(Chính)
56.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ Chi tiết: Xây dựng công trình đường bộ	4210
57.	Xây dựng công trình công ích	4220
58.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp, thủy lợi, viễn thông, văn hóa, hạ tầng cơ sở khu công nghiệp, khu dân cư, đường dây và trạm biến áp đến 35 KV.	4290
59.	Phá dỡ	4311

60.	Chuẩn bị mặt bằng Chi tiết: - Làm sạch mặt bằng xây dựng; - Vận chuyển đất: đào, lấp, san mặt bằng và ủi tại các mặt bằng xây dựng, tiêu nước, vận chuyển đá,... - Chuẩn bị mặt bằng để khai thác như: Chuyển vật công kênh và các hoạt động chuẩn bị, phát triển khác đối với mặt bằng và tài sản khoáng sản, ngoại trừ ở những vùng dầu và khí; - Khoan thăm dò, khoan lỗ kiểm tra, lấy mẫu thử để kiểm tra về địa chất, địa vật lý hoặc các mục đích tương tự; - Hệ thống cấp thoát nước tại mặt bằng xây dựng; - Hệ thống cấp thoát nước nông nghiệp và lâm nghiệp;	4312
61.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
62.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí Chi tiết: Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước	4322
63.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: - Lắp đặt các loại cửa tự động - Lắp đặt thang máy, cầu thang tự động - Lắp đặt hệ thống đèn chiếu sáng - Lắp đặt hệ thống hút bụi - Lắp đặt hệ thống âm thanh - Lắp đặt hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi, giải trí	4329
64.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
65.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết: Tu bổ khu di tích lịch sử, khu văn hóa	4390
66.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
67.	Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)	4512
68.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác	4513
69.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
70.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
71.	Bán mô tô, xe máy	4541
72.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
73.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
74.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
75.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641
76.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
77.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
78.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
79.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
80.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659

81.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
82.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
83.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu (trừ thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp)	4669
84.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711

6. Vốn điều lệ: 3.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGÔ VĂN THAO	Thôn Nam Sơn, Xã Đồng Phúc, Huyện Yên Dũng, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	4.500	450.000.000	15,000	121565711	
			Tổng số	4.500	450.000.000	15,000		
2	NGÔ THỊ LÀNH	Thôn Tân, Xã Tân Thịnh, Huyện Lạng Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	16.500	1.650.000.000	55,000	121597926	
			Tổng số	16.500	1.650.000.000	55,000		
3	NGUYỄN THẾ HUÂN	Thôn Tân, Xã Tân Thịnh, Huyện Lạng Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	9.000	900.000.000	30,000	121475455	
			Tổng số	9.000	900.000.000	30,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGÔ THỊ LÀNH

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc*

Sinh ngày: 10/08/1987

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 121597926

Ngày cấp: 16/02/2017

Nơi cấp: Công an tỉnh Bắc Giang

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Thôn Tân, Xã Tân Thịnh, Huyện Lạng Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Thôn Tân, Xã Tân Thịnh, Huyện Lạng Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Giang